

VAI TRÒ CỦA CÁC KHOA HỌC PHÁP LÝ ỨNG DỤNG VÀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG Ở GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. BÙI KIÊN DIỆN *

1. Hiệu quả thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung, giải quyết vụ án hình sự nói riêng phụ thuộc khá lớn vào tính hợp lý của những chỉ dẫn khoa học mà các khoa học pháp lý ứng dụng giới thiệu để áp dụng vào hoạt động này. Có thể khẳng định, nếu vai trò định hướng cho hoạt động đó thuộc về khoa học luật hình sự và khoa học luật tố tụng hình sự thì vai trò hỗ trợ đắc lực, được hiểu như là điều kiện không thể thiếu đảm bảo khả năng đạt mục đích đề ra và nhất là chất lượng của hoạt động trên, tất yếu phải thuộc về các khoa học pháp lý ứng dụng. Mặc dù tất cả các khoa học thuộc nhóm này đều có vai trò quan trọng đó nhưng sự thể hiện nó của mỗi khoa học trong nhóm lại ở những góc độ và trong những tình huống cụ thể của thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm không giống nhau, có thể khái quát như sau:

- Đối với giám định pháp y: Sử dụng những tri thức y học để phục vụ thực tiễn xử lý tội phạm đã được con người biết đến từ thời cổ đại. Trong hệ thống các khoa học pháp lý ứng dụng, giám định pháp y ra đời sớm nhất. Khoa học này vận dụng những tri thức y học để kết luận về những vấn đề chuyên môn theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng như nguyên nhân chết người, tính chất thương tích, mức độ tổn hại

sức khoẻ hoặc khả năng lao động, tuổi của bị can, bị cáo, người bị hại... Có thể thấy, kết luận giám định pháp y trong nhiều trường hợp là cơ sở không thể thiếu, thậm chí là duy nhất để cơ quan tiến hành tố tụng định tội đối với người phạm tội (chẳng hạn, trong các tội cố ý gây thương tích, giết người, một số tội phạm về tình dục) hoặc là cơ sở để quyết định khởi tố vụ án hình sự (chẳng hạn, khi vấn đề liên quan đến tuổi của bị can, bị cáo). Theo quy định của khoản 3 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) hiện hành, khi cần xác định những vấn đề nêu trên, cơ quan tiến hành tố tụng bắt buộc phải trưng cầu giám định. Nếu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, yêu cầu trên không được thực hiện thì bị coi là trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và cơ quan có thẩm quyền, tùy giai đoạn tố tụng, phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc vụ án sẽ phải xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngoài ra, kết luận của giám định pháp y về đặc điểm của dấu vết, vật chứng, đối tượng để lại dấu vết... còn là cơ sở để xác định đối tượng liên quan đến vụ án: thủ đoạn thực hiện và che giấu tội phạm của bị can, bị cáo; công cụ, phương tiện phạm tội... Như vậy, những

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

khuyến nghị, chỉ dẫn khoa học của giám định pháp y, trong nhiều trường hợp, không chỉ là cơ sở cho việc quyết định vận hành quá trình tố tụng hình sự trong thực tế mà còn là phương tiện đáng tin cậy giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác lập những chứng cứ quan trọng của vụ án.

❖ - Đối với giám định pháp y tâm thần: Là một bộ phận thuộc tâm thần học, giám định pháp y tâm thần nghiên cứu mối quan hệ của các rối loạn tâm thần của con người liên quan đến việc thực hiện hành vi hình sự hoặc dân sự phục vụ hoạt động giải quyết vụ án hình sự, dân sự, hành chính. Theo quy định của Điều 13 Bộ luật hình sự (BLHS), người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang bị mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự; đối với người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Việc xác định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có thực sự mắc bệnh tâm thần hay giả bệnh. Loại bệnh, mức độ ảnh hưởng của nó đối với khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của người thực hiện tội phạm... chỉ có thể được thực hiện thông qua hoạt động giám định pháp y tâm thần. Ngoài ra, trong trường hợp có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức hoặc khai báo đúng đắn của người bị hại, người làm chứng thì cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải cần đến sự giúp đỡ của các giám định viên pháp y tâm thần để xác định. Theo quy định của khoản 3 Điều 155 BLHS hiện hành, khi quá trình tố tụng hình sự xuất hiện hai trường hợp trên thì cơ quan tiến hành tố

tụng bắt buộc phải trưng cầu giám định. Như vậy, những chỉ dẫn khoa học của giám định pháp y tâm thần có ý nghĩa không nhỏ trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự. Nó không chỉ là cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người cụ thể mà còn là phương tiện để các cơ quan này đánh giá giá trị chứng cứ của thông tin do người tham gia tố tụng (người bị hại, người làm chứng) cung cấp trong một số trường hợp nhất định.

- Đối với tâm lý học tư pháp: Tâm lý học tư pháp ra đời trên cơ sở phân ngành của khoa học tâm lý, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Khoa học này nghiên cứu những hiện tượng, quá trình và quy luật tâm lý của con người (người phạm tội, người tham gia tố tụng khác, người tiến hành tố tụng và những người khác tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự, dân sự, thi hành án hình sự) được biểu hiện trong hoạt động tố tụng hình sự, dân sự. Thực tế giải quyết vụ án hình sự cho thấy khó có thể đạt kết quả mong muốn khi thẩm vấn bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nếu người thẩm vấn không được trang bị đầy đủ những kiến thức về quy luật tâm lý đặc trưng của người bị thẩm vấn làm cơ sở cho việc lựa chọn các phương pháp tác động tâm lý phù hợp. Điều tra viên không thể tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi một cách hiệu quả nếu không hiểu rõ những yếu tố cấu trúc tâm lý đối với bản thân mình do đối tượng nghiên cứu mang lại khi tiến hành các hoạt

động trên và nhất là cách thức khắc phục những trở ngại đó. Việc đạt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội sẽ gặp khó khăn đáng kể nếu chủ thể được giao nhiệm vụ này không nắm vững đặc điểm tâm lý của phạm nhân cũng như tập thể phạm nhân để có thể lựa chọn được cách thức, hình thức tổ chức và tiến hành hoạt động trên một cách khoa học v.v.. Hoàn toàn có cơ sở để khẳng định những chỉ dẫn khoa học của tâm lý học tư pháp sẽ giúp cho các chủ thể liên quan hiểu rõ về những điểm mạnh và điểm yếu tâm lý của đối tượng tác động cũng như của chính họ, làm cơ sở cho việc lựa chọn các phương pháp xử sự hợp lý, hiệu quả nhất. “Biết người, biết ta” vốn được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu đảm bảo khả năng thành công cho mọi hoạt động thực tiễn của con người, trong đó có hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

- Đối với tâm lý học tội phạm: Chuyên ngành tâm lý học ứng dụng nghiên cứu về tâm lý của người phạm tội này được ra đời vào nửa cuối thế kỷ XIX cùng với tội phạm học, khoa học điều tra tội phạm. Từ đó đến nay, khoa học này được quan tâm nghiên cứu và phát triển mạnh mẽ, nhất là ở các nước phương Tây. Tâm lý học tội phạm nghiên cứu các quy luật tâm lý liên quan đến sự hình thành ý định phạm tội, sự chuẩn bị và thực hiện tội phạm, cơ chế hành vi phạm tội, nguyên nhân tâm lý-xã hội của hành vi phạm tội. Ngoài ra, tâm lý học tội phạm còn nghiên cứu nhân cách của người phạm tội, tâm lý của nhóm người phạm tội cũng như các biện pháp tác động tâm lý đến nhân cách người phạm tội và nhóm người phạm tội.

Những chỉ dẫn khoa học của tâm lý học tội phạm được coi là cơ sở quan trọng không thể thiếu đối với thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

- Đối với khoa học điều tra tội phạm: Việc ứng dụng thành tựu khoa học-kỹ thuật phục vụ hoạt động phát hiện, điều tra tội phạm đã được biết đến từ rất sớm nhưng khoa học điều tra tội phạm chỉ xuất hiện với tư cách là khoa học pháp lý độc lập từ nửa cuối thế kỷ XIX. Khoa học này là tổ hợp thành tựu của các ngành khoa học kỹ thuật, tự nhiên, xã hội có ý nghĩa đối với thực tiễn phát hiện, điều tra tội phạm và giám định kỹ thuật hình sự. Điều tra tội phạm, diễn đạt một cách hình ảnh là việc đi ngược thời gian trở về quá khứ nhằm dựng lại sự kiện phạm tội đã xảy ra dựa vào những dấu vết tồn tại dưới dạng vật thể hoặc phi vật thể đang náu mình trong môi trường vật chất hay trí nhớ của những người biết về sự kiện đó. Để hoạt động điều tra có hiệu quả đòi hỏi phải áp dụng những phương tiện, biện pháp, phương pháp phù hợp. Tất cả những yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng cho hoạt động điều tra này được tìm thấy trong những chỉ dẫn của khoa học điều tra tội phạm. Khi hoạt động được đánh giá là rất nặng gánh trong số những hoạt động tạo nên quá trình tố tụng hình sự trên đạt hiệu quả cao thì đó thường đồng thời cũng là dấu hiệu khá tin cậy báo trước sự thuận lợi đáng kể trong việc giải quyết vụ án hình sự ở các giai đoạn tố tụng tiếp sau. Có thể nói vai trò của khoa học điều tra tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trên bình diện chung,

được phản ánh thông qua ý nghĩa của kết quả hoạt động điều tra tội phạm mà việc đạt được chủ yếu dựa vào chính những chỉ dẫn khoa học hợp lí được nó đưa ra cho chủ thể của quá trình này.

- Đối với tội phạm học: Ở mọi quốc gia, hoạt động nhằm hạn chế tiến tới loại trừ hoàn toàn hiện tượng tội phạm luôn được xem như cuộc chiến gian khó, dài lâu và phức tạp. Theo quan điểm truyền thống, cuộc chiến với tội phạm gồm hai mặt chống và phòng ngừa. Mặc dù không thể phủ nhận vai trò phòng ngừa tội phạm của các khoa học pháp lí ứng dụng đã được phân tích ở phần trên cũng như khả năng tác động qua lại của hai mặt hợp thành cuộc chiến với tội phạm nhưng rõ ràng phòng ngừa tội phạm không phải là nhiệm vụ chủ yếu hoặc thế mạnh đặc trưng của các khoa học này mà là của tội phạm học. Bằng những phương pháp nghiên cứu khoa học hợp lí, tội phạm học dựng lại bức tranh toàn cảnh về tình hình tội phạm cũng như nguyên nhân của chúng từ đó đề xuất hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung, các nhóm, loại tội phạm cụ thể nói riêng ở từng địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc trong những giai đoạn khác nhau. Những chỉ dẫn khoa học của tội phạm học không chỉ được các chủ thể có trách nhiệm phòng ngừa tội phạm sử dụng như cẩm nang đáng tin cậy trong hoạt động thực tế của mình mà còn có thể được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng, hoàn thiện chính sách hình sự của đất nước, nhất là chiến lược quốc gia về phòng ngừa tội phạm.

Vai trò độc lập của mỗi khoa học pháp lí ứng dụng đối với thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm không phủ định sự cần thiết cũng như khả năng hỗ trợ lẫn nhau của các khoa học này khi thực hiện chức năng của mình. Nếu sự cần thiết đó được xác định bởi tính phức tạp của thực tiễn đấu tranh chống, phòng ngừa tội phạm và sự có chung nhiệm vụ chủ yếu của các khoa học pháp lí ứng dụng thì khả năng hỗ trợ lẫn nhau lại xuất phát từ mối quan hệ tác động qua lại của việc giải quyết những nhiệm vụ cụ thể của từng khoa học với nhau và nhất là với nhiệm vụ chung của các khoa học đó. Thực tế cho thấy sự phát triển của bất kì khoa học pháp lí ứng dụng nào nếu không được nâng lên ngang tầm đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm đều có thể tác động tiêu cực không chỉ đối với hiệu quả hoạt động trên mà cả đối với sự phát triển của từng và tất cả các khoa học trong cùng nhóm. Điều đó càng làm tăng nhu cầu thực tế cần phải có kế hoạch tổng thể điều chỉnh hoạt động nghiên cứu các khoa học pháp lí ứng dụng một cách hệ thống, đồng bộ và nhất là cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng gắn gũi nhau về nhiều mặt này.

2. Cũng như khoa học luật hình sự và khoa học luật tố tụng hình sự, để hoàn thành nhiệm vụ chung là đảm bảo cơ sở khoa học đáng tin cậy cho thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, các khoa học pháp lí ứng dụng phải giải quyết hàng loạt nhiệm vụ cụ thể có tính chất khác nhau nhằm đạt

những mục đích cụ thể khác nhau đã được xác định cho từng khoa học. Nếu nhiệm vụ chung của các khoa học này không thay đổi thì nhiệm vụ cụ thể của chúng lại có thể thường xuyên được bổ sung, thay đổi và việc giải quyết các nhiệm vụ đó ở những giai đoạn khác nhau, do bị chi phối bởi những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nên đòi hỏi phải có những điều chỉnh nhất định trong thứ tự, mức độ ưu tiên và nhất là cách thức thực hiện. Cụ thể, việc giải quyết nhiệm vụ của các khoa học pháp lý ứng dụng ở giai đoạn hiện nay diễn ra trong bối cảnh với những đặc điểm đặc thù cơ bản sau:

Thứ nhất, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng.

Những năm gần đây, tình hình tội phạm diễn biến khá phức tạp, trở thành mối quan ngại lớn của toàn xã hội. Theo số liệu thống kê: “*hàng năm, số vụ và người phạm tội được phát hiện và xử lý tăng giảm không đều nhưng nhìn chung có chiều hướng gia tăng. Từ năm 1986 đến năm 2005 tội phạm tăng gấp 2.5 lần*”.⁽¹⁾ Nếu thừa nhận vai trò kiểm nghiệm của thực tiễn đối với lý luận thì ở đây cần có sự đánh giá lại thật sự nghiêm túc về tính hợp lý, khoa học của những chỉ dẫn mà các khoa học pháp lý ứng dụng giới thiệu và được áp dụng vào thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm thời gian qua. Tất nhiên, trách nhiệm về thực trạng không mong muốn nêu trên của tình hình tội phạm không hoàn toàn thuộc về các khoa học này nhưng rõ ràng trách nhiệm của chúng không thể coi là nhỏ.

Thứ hai, hệ thống pháp luật nói chung,

pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự nói riêng, ngày càng hoàn thiện.

Đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm là hoạt động bảo vệ pháp luật và do đó hoạt động này đòi hỏi phải được điều chỉnh bằng hệ thống pháp luật, mà chủ yếu là pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự. Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật nêu trên có sự thay đổi khá lớn theo hướng ngày càng hoàn thiện và thể hiện tập trung nhất ở sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Trong Bộ luật hình sự năm 1999, nhiều hành vi phạm tội mới liên quan chặt chẽ đến mặt trái của cơ chế thị trường như tội phạm công nghệ thông tin, tội phạm môi trường, tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có... đã được quy định. Ngoài ra, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã bổ sung một số nguyên tắc tiến bộ như bảo đảm quyền được bồi thường; quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. Đồng thời, nhiệm vụ của các chủ thể tiến hành tố tụng được quy định cụ thể hơn trước, hệ thống cơ quan điều tra có sự thay đổi đáng kể so với trước đây, một số nội dung như thủ tục rút gọn, hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự cũng lần đầu tiên được ghi nhận... Những thay đổi trên của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự rất cần được các khoa học pháp lý ứng dụng tính đến một cách đầy đủ và nghiêm túc khi đưa ra các chỉ dẫn khoa học để áp dụng vào thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở giai đoạn hiện nay nhằm đảm bảo không chỉ tính hợp lý mà cả tính hợp pháp của những chỉ dẫn đó.

Thứ ba, khoa học và công nghệ đang có sự phát triển mạnh mẽ.

Từ lịch sử ra đời và phát triển của các khoa học pháp lý ứng dụng có thể khẳng định, quá trình hoàn thiện của các khoa học này gắn bó mật thiết với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ. Nói cách khác, các nhà khoa học thuộc những lĩnh vực trên luôn đi theo từng bước phát triển của khoa học và công nghệ với sự quan tâm sâu sắc nhằm phát hiện những thành tựu mới nhất mà con người đạt được để kịp thời giới thiệu, ứng dụng vào thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Ở giai đoạn hiện nay, khi khoa học và công nghệ đang có sự phát triển mạnh mẽ thì đây không chỉ là cơ hội lớn để khoa học pháp lý ứng dụng hoàn thiện mình mà còn làm tăng gánh nặng trách nhiệm của các khoa học này đối với thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Thực tế của hoạt động trên cho thấy, không chỉ những người làm công tác nghiên cứu hay thực tiễn liên quan đến hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm mới biết kịp thời ứng dụng thành tựu của khoa học, công nghệ vào hoạt động của mình mà bản thân các đối tượng phạm tội cũng biết làm điều đó để thực hiện và che giấu tội phạm.

Thứ tư, cơ hội tham khảo những tri thức mới của quốc tế ngày càng mở rộng.

Trước đây, khi thế giới được phân chia thành hai cực đối kháng thì khoa học pháp lý ứng dụng Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn của khoa học này ở các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) mà chủ yếu là Liên Xô và Cộng hòa dân chủ Đức. Có thể nói phần lớn nội dung của khoa học pháp lý ứng dụng Việt

Nam cho đến nay vẫn mang đậm dấu ấn của khoa học tương ứng ở hai quốc gia trên. Trong giai đoạn hiện nay, khi sự phát triển của đất nước được định hướng bởi quan điểm Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới thì cơ hội tham khảo tài liệu về khoa học pháp lý ứng dụng của mọi quốc gia trên thế giới, không phân biệt hệ thống chính trị, ngày càng đơn giản, thuận lợi. Đây là điều kiện thuận lợi không nhỏ cho những người làm công tác nghiên cứu lý luận có cách nhìn đa chiều về mọi vấn đề liên quan đến nội dung của các khoa học này, trong đó có vấn đề giải quyết nhiệm vụ của các khoa học trên ở giai đoạn hiện nay.

3. Trên cơ sở cân nhắc những điều kiện, hoàn cảnh chi phối thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở giai đoạn hiện nay, để có thể đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn hoạt động nêu trên một cách tốt nhất, các khoa học pháp lý ứng dụng cần chú trọng giải quyết một số nhiệm vụ cơ bản sau:

- Kịp thời hoàn thiện toàn diện hệ thống lý luận cơ bản của các khoa học pháp lý ứng dụng

Do được tiếp thu những thành tựu to lớn của khoa học pháp lý ứng dụng XHCN trước đây nên về cơ bản, các khoa học pháp lý ứng dụng Việt Nam khá hoàn thiện. Nhưng có lẽ cũng do thực tiễn đó nên trong lý luận của hầu hết các khoa học pháp lý ứng dụng Việt Nam, nhất là tội phạm học và khoa học điều tra tội phạm, còn tồn tại không ít vấn đề được nhận thức không thống nhất, từ việc sử dụng một số thuật ngữ chuyên ngành đến cách hiểu về nội dung của một số vấn đề cụ thể. Cho đến nay, các tài liệu chuyên khảo

thuộc các lĩnh vực này còn khá ít ỏi, việc biên soạn chúng lại chủ yếu bởi một số các nhà khoa học và không được phổ biến rộng rãi ngay cả trong giới luật học. Ngoài ra, việc xuất bản các tài liệu tổng kết thực tiễn điều tra, giám định, phòng ngừa tội phạm... chưa được quan tâm thoả đáng và cũng nằm trong tình trạng tương tự. Có thể nói, trong việc nghiên cứu của các khoa học pháp lý ứng dụng ở Việt Nam còn khá nhiều khoảng trống, cơ hội được phản biện về chuyên môn và xã hội chưa cao. Thực tế đó đòi hỏi các nhà khoa học cũng như các nhà quản lý cần nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của lí luận đối với thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm để có giải pháp phù hợp nhằm phá vỡ tình trạng khá đông cứng và tự cô lập trong việc nghiên cứu lí luận của các khoa học pháp lý ứng dụng đang tồn tại hiện nay.

- Kịp thời giới thiệu những thành tựu khoa học và công nghệ để ứng dụng vào thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm

Tính hiệu quả của hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm phụ thuộc nhiều vào tính kịp thời, hợp lí của những chỉ dẫn do khoa học pháp lý ứng dụng đưa ra về việc ứng dụng các phương tiện kĩ thuật, các biện pháp, phương pháp khoa học với tư cách là thành tựu mới của khoa học và công nghệ vào thực tiễn hoạt động trên. Thời gian qua, các nhà khoa học pháp lý ứng dụng, về cơ bản, đã giải quyết khá tốt nhiệm vụ này và điều đó đã góp phần đáng kể giúp hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm được tiến hành với chất lượng tốt, tiết

kiệm chi phí về nhiều mặt. Giai đoạn hiện nay được khắc họa bởi sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hơn bất cứ giai đoạn nào trước đây. Do đó, các khoa học pháp lý ứng dụng cần theo kịp sự phát triển ấy để đảm bảo mọi thành tựu của khoa học (nhất là của các khoa học mà từ đó khoa học pháp lý ứng dụng phân ngành hoặc tổ hợp thành) và công nghệ đều được phát hiện một cách nhanh nhất, được nghiên cứu để làm rõ thế mạnh đặc trưng của chúng đối với thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm để kịp thời hướng dẫn việc áp dụng chúng vào thực tiễn hoạt động này. Việc bỏ qua một cách đáng tiếc bất kì thành tựu khoa học nào có ý nghĩa đối với thực tiễn hoạt động trên không chỉ làm giảm hiệu quả hoạt động đó mà còn làm chậm sự phát triển của chính các khoa học pháp lý ứng dụng.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện mô hình tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ phụ trách trực tiếp hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm cũng như các cơ quan, tổ chức liên quan

Tính hợp lí của mô hình tổ chức và nguyên tắc hoạt động của bất kì cơ quan, tổ chức nào đều ảnh hưởng trực tiếp ở mức độ khá lớn đến hiệu quả hoạt động của lĩnh vực mà cơ quan, tổ chức đó được giao đảm trách. Hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm không phải là ngoại lệ. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hoạt động trên, khoa học pháp lý ứng dụng có thể xác định được những điểm hợp lí cũng như chưa hợp lí trong mô hình tổ chức và nguyên tắc hoạt

động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án, giám định tư pháp hình sự, thi hành án hình sự cũng như sự phối hợp của các cơ quan trên với các cơ quan nhà nước khác, tổ chức xã hội liên quan như thanh tra nhà nước, bộ phận pháp chế của các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu dân cư có quyền giám sát hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng để đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp. Thời gian qua, nhiệm vụ này đã được khoa học pháp lý ứng dụng giải quyết khá tốt mà biểu hiện cụ thể là sự thể chế các khuyến nghị của khoa học trên về những vấn đề đó trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và năm 2003; Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 và năm 2004, Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 117/HĐBT về giám định tư pháp năm 1989 và Pháp lệnh giám định tư pháp năm 2004... Mặc dù vậy, trong mô hình tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng còn tồn tại không ít điểm chưa hợp lý. Đặc biệt, tính chuyên sâu trong hoạt động điều tra, xét xử còn chưa cao, mối quan hệ phối kết hợp giữa cơ quan điều tra với các cơ quan khác, nhất là cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra ngành trong việc xác định dấu hiệu tội phạm, trao đổi thông tin về tội phạm chưa được quy định cụ thể; trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm cũng như trong tình trạng tương tự: vấn đề xã hội hoá hoạt động giám định tư pháp đã được quy định nhưng cơ chế đảm bảo thực hiện lại chưa được xác định rõ; mô hình quản lý thi hành án hình sự

còn nhiều lúng túng, vấn đề tái hoà nhập xã hội sau thi hành án được quan tâm nhưng còn nhiều vướng mắc chưa được giải quyết đồng bộ... Tất cả những vấn đề đó cần được khoa học pháp lý ứng dụng tiếp tục nghiên cứu để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan trên, kịp thời đáp ứng đòi hỏi thực tiễn hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong thời gian tới.

- Tiếp thu một cách chọn lọc những tri thức tiên tiến của khoa học pháp lý ứng dụng thế giới

Ở giai đoạn hiện nay, cơ hội tham khảo thành tựu khoa học pháp lý ứng dụng của tất cả các quốc gia trên thế giới đang rất rộng mở. Cơ hội trên hoàn toàn có thể trở thành hiện thực không chỉ bởi sự khá tương đồng trong quan điểm của Việt Nam và hầu hết các quốc gia trên thế giới khi xem xét những vấn đề về bản chất, nội dung, phương pháp tiến hành hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm mà còn bởi khả năng thuận lợi trong việc tiếp cận mọi thông tin mà quan điểm hội nhập của Nhà nước Việt Nam và thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ thông tin đem lại. Vì vậy, nhiều tài liệu chuyên ngành của các nước khác nhau đã có mặt ở Việt Nam và được dịch ra tiếng Việt hoặc có thể truy cập khá dễ dàng qua internet. Tuy nhiên, thực tế cần được tính đến khi triển khai hoạt động nghiên cứu của các khoa học pháp lý ứng dụng là nếu các khoa học này ở Việt Nam, do được tiếp thu thành tựu của các nước XHCN trước đây nên phần lớn những vấn đề lí luận cơ bản đã

được giải quyết khá triệt để, còn vấn đề nghiên cứu ứng dụng chưa được quan tâm thoả đáng. Trong khi đó, việc nghiên cứu cách thức ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm lại là thế mạnh đặc trưng của khoa học pháp lí ứng dụng ở các nước khác. Ngoài ra, đối với không ít vấn đề lí luận cụ thể của khoa học như tội phạm học, tâm lí học tư pháp, tâm lí học tội phạm, khoa học điều tra tội phạm... quan điểm của Việt Nam và một số quốc gia khác còn tồn tại những cách đánh giá khác nhau. Do đó, khi tham khảo thành tựu khoa học pháp lí ứng dụng ở các quốc gia khác trên thế giới, cần có cách nhìn phê phán, khoa học để có thể chất lọc được những tri thức thật sự tiên tiến, tinh tuý của họ nhằm làm giàu kho tàng tri thức khoa học pháp lí ứng dụng Việt Nam và qua đó nâng cao chất lượng thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở nước ta.

Gần đây, trong sách báo pháp lí Việt Nam giới thiệu việc ứng dụng thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại phục vụ thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở các quốc gia phát triển như sử dụng máy phát hiện nói dối, phương pháp thổi miên trong hoạt động thẩm vấn; nghiên cứu dấu vết tâm lí hoặc giám định tâm lí phục vụ hoạt động giải quyết vụ án hình sự; sử dụng các thiết bị định vị toàn cầu trong việc thi hành án hình sự hay phòng ngừa tội phạm... Đây là những vấn đề khá mới đối với Việt Nam nhưng đã được thử nghiệm với thời gian dài trong thực tế ở các quốc gia khác và phát huy tác dụng tích cực đối

với thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Do đó, khoa học pháp lí ứng dụng Việt Nam cần tham khảo để xác định khả năng áp dụng vào thực tiễn hoạt động này ở nước ta.

Ngoài ra, thời gian qua nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt Nam, bên cạnh những ưu điểm vốn có, cũng bộc lộ mặt trái của nó, thể hiện rõ nhất ở việc làm gia tăng khá mạnh những hành vi xâm hại môi trường một cách nặng nề, lạm dụng công nghệ cao để trục lợi; lừa đảo... Những hành vi này mới được coi là tội phạm nên các khoa học pháp lí ứng dụng chưa xây dựng được chỉ dẫn khoa học về phương pháp phát hiện, điều tra, phòng ngừa chúng. Trong khi ấy, ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, từ lâu những hành vi đó đã bị coi là tội phạm và vì vậy họ đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm trong hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa các loại tội phạm này. Thực tế nêu trên đặt ra cho khoa học pháp lí ứng dụng Việt Nam nhiệm vụ phải tham khảo những kinh nghiệm đó, coi đó là một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng phương pháp phát hiện, điều tra, phòng ngừa các loại tội phạm này phù hợp với điều kiện cụ thể ở Việt Nam nhằm giúp các chủ thể có trách nhiệm tiến hành hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa các tội phạm trên đạt hiệu quả cao nhất, tránh khỏi những lúng túng khi lần đầu phải đối mặt với chúng.¹

(1). Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tội phạm học*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006. tr. 121.